

## KẾ HOẠCH

### **Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Hậu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Thực hiện Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh Nam Định về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 744/KH-SGDĐT ngày 19/5/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, UBND huyện ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số ngành GDĐT huyện Hải Hậu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu chung**

Tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

##### **2. Mục tiêu đến năm 2025**

a) Đổi mới phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày với mỗi nhà giáo và mỗi người học.

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 80% đội ngũ nhà giáo, 60% học sinh, có đủ điều kiện về phương tiện, đường truyền, phần mềm để tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến:

+ Triển khai các nền tảng dạy và học trực tuyến cho trên 60% học sinh cấp phổ thông sử dụng.

+ Hình thành được kho học liệu trực tuyến đáp ứng 50% nhu cầu về tài liệu học tập theo nội dung chương trình giáo dục phổ thông.

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến: Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt 5% ở bậc tiểu học; 10% ở bậc trung học.

b) Đổi mới căn bản phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục.

- Về quản trị nhà trường: 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị

nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số.

+ 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng một hồ sơ số với định danh thống nhất;

+ 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ GDĐT được quản lý bằng hồ sơ số.

- Về quản lý giáo dục: hệ thống thông tin quản lý điều hành ngành giáo dục được thiết lập và vận hành hiệu quả, trong đó:

+ Cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành giáo dục của huyện trong hệ thống CSDL của tỉnh Nam Định được xây dựng, hoàn thiện và kết nối thông suốt với các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, kịp thời; có khả năng kết nối và chia sẻ dữ liệu với các CSDL khác;

+ Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, các cơ sở giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, 80% hồ sơ công việc cấp phòng, 40% hồ sơ công việc tại các cơ sở giáo dục được thực hiện trên môi trường số.

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân

+ Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 90%;

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 90%.

### **3. Mục tiêu đến năm 2030**

- Tiếp tục duy trì và nâng cấp các nền tảng dạy và học trực tuyến tích hợp được với kho học liệu số của ngành hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng được yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông.

- 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông được với các CSDL, thông tin liên quan.

## **II. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính phủ điện tử**

a) Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên tại các cơ sở giáo dục (nhất là người đứng đầu của đơn vị), vai trò và lợi ích của việc chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

b) Tăng cường sự tham gia của người dân, tổ chức và doanh nghiệp cùng góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích của chuyển đổi số. Triển khai các kênh hỗ trợ trực tiếp, trực tuyến, tạo điều kiện thuận lợi để phụ huynh, học sinh, cộng đồng khi sử dụng các dịch vụ giáo dục trực tuyến.

c) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực CNTT, năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ

phụ trách ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

## **2. Phát triển chính quyền số**

### **a) Đổi mới cải cách thủ tục hành chính**

- Rà soát, cắt giảm và đơn giản các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng giúp ứng dụng hiệu quả công nghệ số, mở rộng các dịch vụ hỗ trợ, phục vụ tốt nhất người học, người dân và các tổ chức.

- Tiếp tục triển khai công dịch vụ công trực tuyến; tăng số lượng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4; thử nghiệm nền tảng dùng chung giải quyết một số thủ tục hành chính không dùng giấy tờ trong ngành Giáo dục dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.

b) Tiếp tục triển khai phần mềm quản lý văn bản điều hành để gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử (ký số), công thông tin điện tử nhằm hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc và cải cách hành chính tới 100% cơ sở giáo dục.

## **3. Tham gia triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý và hệ thống CSDL ngành GDĐT tỉnh Nam Định**

### **a) Tham gia xây dựng hệ thống CSDL ngành GDĐT tỉnh Nam Định**

- Tham gia xây dựng hệ thống đảm bảo phục vụ tất cả cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục; đáp ứng được các yêu cầu chuẩn dữ liệu theo quy định của Bộ GDĐT và các dữ liệu đặc thù của giáo dục tỉnh Nam Định (bao gồm cơ sở dữ liệu về người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên, cơ sở vật chất, tài chính - đầu tư, nghiên cứu khoa học, chương trình đào tạo...); đảm bảo tính chính xác và có độ tin cậy cao phục vụ các hoạt động của ngành.

- Hệ thống có khả năng kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, phòng GDĐT và Sở GDĐT; kết nối dữ liệu được với CSDL ngành GDĐT của Bộ GDĐT, với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục.

b) Tham gia xây dựng, phát triển các ứng dụng CNTT, nền tảng số phục vụ quản trị, quản lý điều hành

- Số hóa các văn bản, tài liệu của ngành giáo dục;

- Số hóa các đối tượng, các quy trình trong quản trị và quản lý cơ sở giáo dục (quản lý tuyển sinh, quản lý chương trình đào tạo, quản lý thông tin người học, quản lý thông tin đội ngũ, quản lý cơ sở vật chất, quản lý tài chính, quản trị văn phòng điện tử, quản lý hoạt động khác).

- Tiếp tục xây dựng và triển khai các phần mềm, ứng dụng CNTT quản lý, quản trị nhà trường trên môi trường số tới 100% cơ sở giáo dục (phần mềm quản lý nhà trường, phần mềm quản lý tuyển sinh đầu cấp...) nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục

tới các cơ quan quản lý giáo dục.

- Triển khai các ứng dụng hồ sơ; sổ, sách điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, chữ ký điện tử, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành Giáo dục.

#### **4. Xây dựng, triển khai các ứng dụng CNTT, nền tảng số phục vụ hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá**

a) Xây dựng và triển khai các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành Giáo dục

- Xây dựng, lựa chọn và triển khai các hệ thống, phần mềm hỗ trợ thiết kế, hệ thống quản lý, khai thác các bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến.

- Xây dựng kho dữ liệu về các bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

b) Triển khai các ứng dụng, nền tảng số phục vụ dạy - học

- Xây dựng, lựa chọn và triển khai một số hệ thống dạy học trực tuyến đảm bảo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên giúp các cơ sở giáo dục tổ chức các hoạt động dạy học, kiểm soát được các học liệu dạy học, kiểm tra, đánh giá, quản lý và lưu trữ hồ sơ.

- Xây dựng và triển khai các hệ thống, phần mềm cung cấp các khóa học trực tuyến.

- Triển khai, thí điểm triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

#### **5. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT**

Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây.

#### **6. Huy động các nguồn lực tham gia chuyển đổi số trong GDĐT**

Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất, phân phối trang thiết bị số để hỗ trợ, ưu đãi cung cấp sản phẩm CNTT cơ bản (máy tính, máy tính xách tay, máy tính bảng) tích hợp các phần mềm ứng dụng và tính năng an toàn, bảo mật cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học phục vụ hoạt động dạy - học trong các nhà trường.

#### **7. Tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách**

Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng

dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục.

### **III. DANH MỤC NHIỆM VỤ**

Danh mục nhiệm vụ Kế hoạch (chi tiết tại Phụ lục đính kèm Kế hoạch này).

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Phòng Giáo dục và Đào tạo**

- Triển khai thực hiện Kế hoạch này và xây dựng Kế hoạch để triển khai theo từng năm (khi cần thiết hoặc khi có yêu cầu).

- Triển khai việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số ngành giáo dục như: hệ thống CSDL ngành GDĐT; các hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý giáo dục (phần mềm quản lý nhà trường, cổng thông tin điện tử, phần mềm quản lý văn bản điện tử. ); hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá (hệ thống dạy, học trực tuyến, phần mềm soạn bài giảng trực tuyến, kho học liệu số); tham gia trung tâm Điều hành giáo dục thông minh và các hệ thống khác.

- Tham mưu, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá và chủ trì việc đánh giá kết quả thực hiện việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong ngành của các cơ sở giáo dục.

- Tham mưu tổ chức các hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số ngành giáo dục.

#### **2. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

- Chủ trì, phối hợp với phòng GDĐT và các đơn vị liên quan thẩm định báo cáo chủ trương đầu tư trình cấp có thẩm quyền quyết định, bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án, nhiệm vụ ứng dụng và phát triển CNTT, chuyển đổi số của ngành GDĐT.

- Tham mưu, đề xuất phân bổ nguồn vốn bảo đảm kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch.

#### **3. Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa –Thông tin và Thể thao**

Phối hợp với phòng GDĐT tổ chức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức trong nhân dân và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên về nhiệm vụ, vai trò của ứng dụng và phát triển CNTT, chuyển đổi số của ngành GDĐT.

#### **4. Các xã, thị trấn**

Quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất để các cơ sở giáo dục trên địa bàn quản lý có các nguồn lực cho việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

#### **5. Các cơ sở giáo dục trong huyện**

- Xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số trong Kế hoạch; trong đó, nhấn mạnh vai trò người đứng đầu của đơn vị. Ưu tiên bố trí các nguồn lực cho việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số của đơn vị.

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện (*qua phòng GDĐT huyện*) trước ngày 31/12 hàng năm.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số ngành GDĐT huyện Hải Hậu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, UBND huyện yêu cầu phòng GDĐT, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ để Kế hoạch được triển khai đồng bộ, hiệu quả./.

**Nơi nhận:**

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
  - Ban Thường vụ Huyện ủy;
  - Thường trực HĐND;
  - Lãnh đạo UBND;
  - Các cơ quan, đơn vị liên quan;
  - UBND xã, thị trấn đặt các điểm thi;
  - Các trường THPT trên địa bàn huyện;
  - Lưu: VT, PGDĐT.
- } (để báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Lưu Thị Nghiêm**